

Bản án số: 709/2019/DS-ST

Ngày: 02/8/2019

V/v “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang

2. Ông Nguyễn Kiên Hiên

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1320/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 2/8/1 Đường m, phường n, quận l, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Đào Trọng Tlà người đại diện theo uỷ quyền theo Văn bản uỷ quyền ngày 26/9/2018.

2. Bị đơn: Ông Tôn Thất N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 7/1 Đường x, phường y, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/9/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P có ông Đào Trọng Tlà người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 07/12/2016, ông Tôn Thất N (từ đây gọi là ông N) và ông Nguyễn Hoàng P (từ đây gọi là ông P) lập Giấy cam kết vay mượn tiền bằng tay, không có công chứng, chứng thực. Theo nội dung văn bản này thì ông N vay của ông P số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày 07/12/2016 đến ngày 06/12/2017), lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, thanh toán tiền lãi ba tháng một lần. Đồng thời, ông N thế chấp cho ông P bản chính Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số U383372 (phần đất tọa lạc tại xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 14/8/2017, ông N mượn lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U383372 và cam kết trả số tiền đã vay 1.000.000.000 đồng cộng tiền lãi từ ngày 07/7/2017. Nhưng từ ngày 14/8/2017 đến hết thời hạn vay mà ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo như cam kết. Vì vậy, ông P khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông N thanh toán số tiền 1.243.333.333 đồng, gồm nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 07/7/2017 đến ngày 25/9/2018 là 243.333.333 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P có ông Đào Trọng Tlà đại diện theo uỷ quyền xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Tôn Thất N thanh toán số tiền 1.216.100.000 đồng, gồm nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 07/7/2017 đến ngày 06/12/2017 là 67.500.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 07/12/2017 đến ngày 02/8/2019 là 148.684.931 đồng, làm tròn là 148.600.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu Tòa án duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 327/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

[3] Nguyên đơn ông P khởi kiện, yêu cầu ông N trả tiền nợ theo Giấy cam kết vay mượn tiền nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Do bị đơn ông N có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng:*

[6] Bị đơn ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[7] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau:”c) *Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực này mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết;*”

[8] Do Giấy cam kết vay mượn tiền ký ngày 06/12/2016 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[9] *Về yêu cầu của đương sự:*

[10] Nguyên đơn ông P yêu cầu Tòa án buộc ông N trả số tiền 1.216.100.000 đồng, gồm nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 07/7/2017 đến ngày 06/12/2017 là 67.500.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 07/12/2017 đến ngày 02/8/2019 là 148.684.931 đồng, làm tròn là 148.600.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[11] *Về tính pháp lý của Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016 và Giấy mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/2017:*

[12] Về hình thức: là bản chính, có chữ ký của bên cho vay là Nguyễn Hoàng P và bên vay là Tôn Thất N nhưng tài liệu không được công chứng, chứng thực.

[13] Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án nhân dân Quận 3 ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 63/2019/QĐ-TCGD ngày 01/4/2019 về việc giám định chữ ký của ông Tôn Thất N tại Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016 và Giấy mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/2017.

[14] Tại Kết luận giám định ngày 13/5/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Chữ ký đứng tên “Tôn Thất N” ở dưới mục “bên vay” trên hai tài liệu cần giám định ký hiệu Á,À (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký đứng tên “Tôn Thất N” trên sáu tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu: M1, M2, M4, M5, M6, M7 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.”

[15] Xét, căn cứ quy định Khoản 5 Điều 94, Khoản 6 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự và kết luận giám định, có đủ cơ sở xác định chữ ký Tôn Thất N tại Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016 và Giấy mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/2017 là do ông Tôn Thất N ký tên. Như vậy, hai tài liệu này là có thật và là chứng cứ được Hội đồng xét xử sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[16] *Về nợ gốc:*

[17] Căn cứ Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016 có cơ sở xác định ông N có vay của ông P số tiền 1.000.000.000 đồng.

[18] Căn cứ Giấy mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/2017 có cơ sở xác định cho đến ngày 14/8/2017, ông N vẫn chưa trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông P và hiện đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[19] Ngoài ra, phía bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[20] Xét, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông N còn nợ ông P số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn ông P về việc buộc bị đơn ông N trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] *Về tiền lãi:*

[22] Tại Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016, ông P và ông N thỏa thuận lãi suất cho vay là 2,5%/tháng.

[23] Tại phiên tòa, bên nguyên đơn điều chỉnh lại cách tính tiền lãi như sau: tiền lãi trong hạn tính từ ngày 07/7/2017 đến ngày 06/12/2017 là 06 tháng, theo mức lãi suất là 13,5%/năm, với số tiền là 67.500.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 07/12/2017 đến ngày 02/8/2019 là 603 ngày, theo mức lãi suất 9%/năm, với số tiền là 148.684.931 đồng, làm tròn là 148.600.000 đồng.

[24] Xét, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là cao hơn so với quy định, do đó việc nguyên đơn điều chỉnh lại cách tính lãi là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[25] Theo quy định pháp luật, lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi (*quy định mức lãi suất cơ bản theo QĐ số 2868/QĐ-NHHH ngày 29/11/2010 là 9%/năm, tương ứng với mức 150% lãi suất cơ bản là 13,5%/năm*). Đồng thời do ông N cam kết đến ngày 06/12/2017 sẽ trả nợ cho ông P nhưng không thực hiện, do đó ông N còn phải chịu lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày kế tiếp là ngày 06/12/2017 đến thời điểm xét xử 02/8/2019 với lãi suất cơ bản là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng.

[26] Xét, căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và yêu cầu của nguyên

đơn ông P về việc tính lãi trong hạn từ ngày 07/7/2017 đến ngày 06/12/2017 là 06 tháng, theo mức lãi suất là 13,5%/năm, với số tiền là 67.500.000 đồng, là phù hợp theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[27] Xét, yêu cầu của nguyên đơn ông P về việc tính lãi quá hạn từ ngày 07/12/2017 đến ngày 02/8/2019, theo mức lãi suất 9%/năm, với số tiền là 148.684.931 đồng, làm tròn là 148.600.000 đồng, là phù hợp theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông P, buộc bị đơn ông N trả số tiền 1.216.100.000 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 67.500.000 đồng, lãi chậm trả là 148.600.000 đồng.

[28] *Về thời hạn thanh toán*: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[29] Xét, tại Giấy cam kết vay mượn tiền ngày 07/12/2016 các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 07/12/2016 đến ngày 06/12/2017).

[30] Tại Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”.

[31] Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông P buộc bị đơn ông N có nghĩa vụ trả số tiền 1.216.100.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[32] Về chi phí giám định: xét, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn ông P là có căn cứ nên ông N phải chi phí giám định là 3.060.000 đồng.

[33] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn ông P được chấp nhận nên bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.483.000 đồng.

[34] Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông P số tiền 24.650.000 đồng theo biên lai thu số 0021327 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 290, 471, 474 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P:

1.1. Buộc ông Tôn Thất N phải trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền là 1.216.100.000 đồng, bao gồm:

- + Nợ gốc : 1.000.000.000 đồng;
- + Lãi trong hạn : 67.500.000 đồng;
- +Lãi quá hạn :148.600.000 đồng

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2.Kể từ ngày ông Nguyễn Hoàng P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Tôn Thất N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 327/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Về chi phí giám định: Ông Tôn Thất N có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Hoàng P chi phí giám định là 3.060.000 đồng. Thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1.Ông Tôn Thất N chịu 48.483.000 đồng.

4.2.Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 24.650.000 đồng theo biên lai thu số 0021327 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi

hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Hoàng P trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án, ông Tôn Thất N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh